

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	9 – 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 – 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	16 – 42

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ryotaro Ohtake	Chủ tịch
- Ông Kakazu Shogo	Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
- Ông Đinh Quang Phước Thanh	Thành viên
- Ông Shimabukuro Yoshinori	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thúy Phương	Trưởng ban
- Bà Thái Hồng Vân	Thành viên (đơn từ nhiệm ngày 01/08/2016)
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2018



Kakazu Shogo
Tổng Giám đốc

Số: 146/2018/BCKT-PKF.HCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được lập ngày 31 tháng 05 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 09 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Tô Bửu Toàn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1201-2018-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.846.750.996	20.972.628.859
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.377.804.601	9.087.312.682
Tiền	111		1.377.804.601	1.284.901.449
Các khoản tương đương tiền	112		-	7.802.411.233
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	150.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.680.829.509	9.603.768.190
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.947.911.687	16.007.297.719
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	576.542.554	572.054.288
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	23.385.293.221	20.467.360.885
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(30.228.917.953)	(27.442.944.702)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	94.732.782	335.021.478
Hàng tồn kho	141		94.732.782	430.307.300
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(95.285.822)
Tài sản ngắn hạn khác	150		543.384.104	1.946.526.509
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	495.683.008	1.404.685.787
Thuế GTGT được khấu trừ	152		47.701.096	541.840.722
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.756.927.381	21.692.196.515
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.106.088.982	1.787.068.180
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.9	5.796.000.000	5.796.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	1.106.088.982	1.787.068.180
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản cố định	220		18.412.606.458	18.493.517.245
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	18.252.606.466	18.293.517.245
- Nguyên giá	222		26.334.425.705	39.727.747.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.081.819.239)	(21.434.229.881)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	159.999.992	200.000.000
- Nguyên giá	228		200.000.000	200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.000.008)	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.544.500.040	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.12	8.544.500.040	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2a	163.040.313	398.535.008
Đầu tư vào công ty con	251		8.482.327.200	8.482.327.200
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		80.016.000	80.016.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(8.399.302.887)	(8.163.808.192)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		530.691.588	1.013.076.082
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	530.691.588	1.013.076.082
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		39.603.678.377	42.664.825.374

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		38.411.830.802	19.825.294.956
Nợ ngắn hạn	310		28.427.584.339	17.340.475.731
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	656.394.086	5.672.096.917
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.695.913	41.272.579
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7.089.582.636	5.234.610.121
Phải trả người lao động	314		710.797.118	800.131.267
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15a	304.733.790	550.011.685
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97.140.921	97.793.639
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16a	17.074.939.875	4.944.559.523
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2.491.300.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		9.984.246.463	2.484.819.225
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15b	641.531.145	1.293.671.875
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16b	1.021.449.286	1.191.147.350
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	8.321.266.032	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.191.847.575	22.839.530.418
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.191.847.575	22.839.530.418
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(78.808.152.425)	(57.160.469.582)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(57.160.469.582)	(52.094.293.246)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(21.647.682.843)	(5.066.176.336)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.603.678.377	42.664.825.374

Ngày 31 tháng 05 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Hồ Thị Trúc Vân

Hồ Thị Trúc Vân

Kakazu Shogo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21.213.395.563	30.470.273.323
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	15.060.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	21.213.395.563	30.455.213.323
Giá vốn hàng bán	11	6.2	24.700.623.748	34.506.089.291
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.487.228.185)	(4.050.875.968)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	146.043.592	415.254.306
Chi phí tài chính	22	6.4	1.010.869.973	1.602.903.077
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		767.212.840	13.625.443
Chi phí bán hàng	25	6.5	89.646.737	302.690.951
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.726.314.764	6.148.749.587
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.168.016.067)	(11.689.965.277)
Thu nhập khác	31	6.7	4.877.240.747	6.516.488.409
Chi phí khác	32	6.8	12.356.907.523	74.605.667
Lợi nhuận khác	40		(7.479.666.776)	6.441.882.742
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.647.682.843)	(5.248.082.535)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(21.647.682.843)	(5.248.082.535)

Ngày 31 tháng 05 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Hồ Thị Trúc Vân

Hồ Thị Trúc Vân

Kakazu Shogo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(21.647.682.843)	(6.818.184.279)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.460.737.525	3.864.714.098
- Các khoản dự phòng	03	2.926.182.124	1.434.982.290
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.210.252.708)	(4.805.728.513)
- Chi phí lãi vay	06	767.212.840	13.625.443
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(18.703.803.062)	(6.310.590.961)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(687.915.746)	7.043.334.287
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	335.574.518	(774.242)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.530.435.628	(1.678.579.069)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	929.759.070	160.559.241
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(767.212.840)	(13.625.443)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(756.465.814)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.119.628.246)	(799.676.187)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.283.872.768)	(7.430.950.840)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	8.903.181.811	9.203.200.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(150.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.611.499.990
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.245.090	19.204.710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.402.445.867)	6.402.953.860

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	12.456.500.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.643.933.968)	(283.333.502)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.812.566.032	(283.333.502)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	(7.709.508.081)	5.319.944.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.377.804.601	9.087.312.682

Ngày 31 tháng 05 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Thị Trúc Vân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hồ Thị Trúc Vân

TỔNG GIÁM ĐỐC



Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ taxi, đào tạo lái xe, cho thuê xe và các dịch vụ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên Công ty là 71 người.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu : Bình quân gia quyền
- Hàng hóa : Bình quân gia quyền

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm máy tính khấu hao trong 05 năm.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12. Doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm chi phí lãi vay.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	1.288.226.275	499.852.625
Tiền gửi ngân hàng	89.578.326	785.048.824
Các khoản tương đương tiền	-	7.802.411.233
Cộng	1.377.804.601	9.087.312.682

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đến ngày 31/12/2017, một số tài khoản ngân hàng của Công ty bị phong tỏa theo Quyết định của Tổng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích trước tiền từ tài khoản, cụ thể:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Hợp đồng số 38.17.120.2980099.TG	150.000.000	150.000.000	-	-
Cộng	150.000.000	150.000.000	-	-

Là khoản tiền gửi theo Hợp đồng số 38.17.120.2980099.TG ngày 25/04/2017 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Kỳ Đồng; lãi suất 6,2%, 12 tháng số tiền 150.000.000 đồng.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	8.482.327.200	8.399.302.887	(*)	8.482.327.200	8.163.808.192	(*)
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn (1)	6.000.000.000	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	5.759.087.493	(*)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân (2)	2.482.327.200	2.399.302.887	(*)	2.482.327.200	2.404.720.699	(*)
Đầu tư vào Công ty khác	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Tập đoàn Radius	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Cộng	8.562.343.200	8.399.302.887	(*)	8.562.343.200	8.163.808.192	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310535083, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn 6.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mỹ phẩm. xà phòng. chất tẩy rửa. làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình trừ bán buôn dược phẩm;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Điều hành tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải trừ vận tải đường hàng không;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309390411, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân 2.482.372.200 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bảo vệ.

Tình hình biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2017 (VND)	2016 (VND)
Số đầu năm	8.163.808.192	6.578.825.902
Trích lập dự phòng trong năm	240.912.507	1.584.982.290
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.417.812)	-
Số cuối năm	8.399.302.887	8.163.808.192

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	2.144.107.579	2.944.693.784
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	2.137.844.758	2.703.478.728
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	6.262.821	241.215.056
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	12.803.804.108	13.062.603.935
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty TNHH Điện lực Bot Phú Mỹ 3	1.207.130.200	1.207.058.150
- Mr. Baghdad Sayed (Grand)	301.346.953	301.346.953
- Công ty Cổ phần VN Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
- Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn	96.600.000	247.568.252
- Các khách hàng khác	1.324.419.046	1.432.322.671
Cộng	14.947.911.687	16.007.297.719

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Văn phòng Luật sư Hồng Nguyên & Associates	500.000.000	500.000.000
- Các nhà cung cấp khác	76.542.554	72.054.288
Cộng	576.542.554	572.054.288

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	76.413.910	-	135.607.490	-
Các khoản ký quỹ ký cược	60.823.170	-	56.250.000	-
- Các khoản phải thu khác	23.248.056.141	17.339.385.827	20.275.503.395	16.776.628.473
Phải thu khác bên liên quan	-	-	163.440.661	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	-	-	163.440.661	-
Phải thu các bên thứ ba	23.248.056.141	17.339.385.827	20.112.062.734	16.776.628.473
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	15.906.134.549	15.156.134.549	13.246.733.549
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển nhà An Nghiệp Phát	222.240.940	-	2.112.225.940	2.112.225.940
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	1.402.467.418	1.402.467.418	1.402.467.418
- Phải thu khác	2.752.514.120	30.783.860	1.441.234.827	15.201.566
Cộng	23.385.293.221	17.339.385.827	20.467.360.885	16.776.628.473

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	500.000.000	-	500.000.000	-
- Tiền ký quỹ Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất	300.000.000	-	300.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huy Hoàng Hà (đặt cọc thuê xe)	200.000.000	-	200.000.000	-
- Các khoản ký quỹ ký cược khác	106.088.982	-	787.068.180	-
Cộng	1.106.088.982	-	1.787.068.180	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	39.359.298.007	3.334.380.054	35.396.739.135	2.157.794.433
a. Ngắn hạn	33.563.298.007	3.334.380.054	29.600.739.135	2.157.794.433
Từ 03 năm trở lên	33.563.298.007	3.334.380.054	29.600.739.135	2.157.794.433
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	147.440.000	9.596.271.434	147.440.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	2.964.699.114	15.156.134.549	1.909.401.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển nhà An Nghiệp Phát	222.240.940	222.240.940	2.112.225.940	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	-	1.402.467.418	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	2.137.844.758	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.333.639.794	-	1.333.639.794	100.953.433
b. Dài hạn	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
Từ 03 năm trở lên	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	2017 (VND)	2016 (VND)
Số đầu năm	27.442.944.702	27.592.944.702
Trích lập dự phòng trong năm	4.898.199.191	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.112.225.940)	(150.000.000)
Số cuối năm	30.228.917.953	27.442.944.702

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	2017 (VND)	2016 (VND)
Số đầu năm	5.796.000.000	5.796.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	5.796.000.000	5.796.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	72.140.215	-	406.687.947	95.285.822
- Hàng hoá	22.592.567	-	23.619.353	-
Cộng	94.732.782	-	430.307.300	95.285.822

5.8 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2017 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2017 (VND)
- Công cụ, dụng cụ	2.499.998	2.517.882	(5.017.880)	-
- Chi phí mua ngoài	1.402.185.789	5.661.647.189	(6.568.149.970)	495.683.008
Cộng	1.404.685.787	5.664.165.071	(6.573.167.850)	495.683.008

b. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2017 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2017 (VND)
- Chi phí sửa chữa	781.551.088	-	(377.955.214)	403.595.874
- Chi phí trả trước khác	231.524.994	45.600.000	(150.029.280)	127.095.714
Cộng	1.013.076.082	45.600.000	(527.984.494)	530.691.588

5.9 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (*)	5.796.000.000	5.796.000.000
Cộng	5.796.000.000	5.796.000.000

(*) Là khoản cho vay Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương theo Hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011 với mục đích đầu tư phương tiện vận chuyển và thành lập Trung tâm sửa chữa thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2017	1.339.428.880	177.735.136	37.945.925.684	264.657.426	39.727.747.126
Tăng trong năm	-	-	7.739.372.728	-	7.739.372.728
Mua sắm mới	-	-	7.739.372.728	-	7.739.372.728
Giảm trong năm	-	-	(21.132.694.149)	-	(21.132.694.149)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(21.132.694.149)	-	(21.132.694.149)
31/12/2017	1.339.428.880	177.735.136	24.552.604.263	264.657.426	26.334.425.705
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	91.516.963	177.735.136	3.389.295.179	214.857.426	3.873.404.704
Giá trị hao mòn					
01/01/2017	1.120.006.646	177.735.136	19.916.443.173	220.044.926	21.434.229.881
Tăng trong năm	8.567.016	-	2.399.720.501	12.450.000	2.420.737.517
Khấu hao trong năm	8.567.016	-	2.399.720.501	12.450.000	2.420.737.517
Giảm trong năm	-	-	(15.773.148.159)	-	(15.773.148.159)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.773.148.159)	-	(15.773.148.159)
31/12/2017	1.128.573.662	177.735.136	6.543.015.515	232.494.926	8.081.819.239
Giá trị còn lại					
01/01/2017	219.422.234	-	18.029.482.511	44.612.500	18.293.517.245
31/12/2017	210.855.218	-	18.009.588.748	32.162.500	18.252.606.466

(*) Một số phương tiện vận tải được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn, xem thuyết minh số 5.17.

5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính.

	Nguyên giá (VND)	Hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Số đầu năm	200.000.000	-	200.000.000
Tăng trong năm	-	40.000.008	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	200.000.000	40.000.008	159.999.992

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất tại số 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	8.544.500.040	-
Cộng	8.544.500.040	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	451.193.219	451.193.219
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	-	-	84.755.523	84.755.523
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	-	-	366.437.696	366.437.696
Phải trả người bán là bên thứ ba	656.394.086	656.394.086	5.220.903.698	5.220.903.698
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	167.497.000	167.497.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	147.440.000	147.440.000	147.440.000	147.440.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vận tải Trần Vũ	110.629.000	110.629.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	230.828.086	230.828.086	5.073.463.698	5.073.463.698
Cộng	656.394.086	656.394.086	5.672.096.917	5.672.096.917

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	287.932.314	287.932.314	1.426.056.050	1.426.056.050
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.277.771.608	2.277.771.608	3.034.237.422	3.034.237.422
- Thuế thu nhập cá nhân	35.174.406	35.174.406	364.915.649	364.915.649
- Thuế nhà đất	2.624.100.114	2.624.100.114	409.401.000	409.401.000
- Thuế, phí khác	1.864.604.194	1.864.604.194	-	-
Cộng	7.089.582.636	7.089.582.636	5.234.610.121	5.234.610.121

(*) Điều chỉnh số đầu năm của khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước do ảnh hưởng của Quyết định 406/QĐ-CT-XP ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Tổng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế. Xem chi tiết tại thuyết minh 7.3.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND) ⁽¹⁾	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2017 (VND)
- Thuế GTGT phải nộp	1.426.056.050	308.224.308	(1.446.348.044)	287.932.314
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.034.237.422	-	(756.465.814)	2.277.771.608
- Thuế thu nhập cá nhân	364.915.649	180.584.010	(510.325.253)	35.174.406
- Thuế nhà đất	409.401.000	2.214.699.114	-	2.624.100.114
- Các loại thuế khác	-	1.871.157.694	(6.553.500)	1.864.604.194
Cộng	5.234.610.121	2.703.507.432	(2.713.139.111)	7.089.582.636

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	150.814.000	148.040.000
- Chi phí phải trả khác	153.919.790	401.971.685
Cộng	304.733.790	550.011.685

b. Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	641.531.145	1.293.671.875
Cộng	641.531.145	1.293.671.875

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	200.000.000
Phải trả khác	17.074.939.875	4.744.559.523
- Phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	11.000.000.000	-
- Kinh phí công đoàn	619.589.245	716.223.912
- Phải trả cổ tức	1.219.365.715	1.219.365.715
- Thù lao Hội đồng quản trị	210.284.788	210.284.788
- Phải trả khác	4.025.700.127	2.598.685.108
Cộng	17.074.939.875	4.944.559.523

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b. Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Ký quỹ, ký cược		
Nhận ký quỹ, ký cược - tài xế lái xe	1.021.449.286	1.191.147.350
Cộng	1.021.449.286	1.191.147.350

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2017 (VND)	Nhận tiền vay trong năm (VND)	Trả tiền vay trong năm (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	31/12/2017 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh (*)	-	3.220.000.000	(322.000.000)	(644.000.000)	2.254.000.000
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	-	9.236.500.000	(1.321.933.968)	(1.847.300.000)	6.067.266.032
	-	12.456.500.000	(1.643.933.968)	(2.491.300.000)	8.321.266.032

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh theo Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 001-171295/TTCV-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017; mục đích vay để thanh toán một phần tiền thuê đất đối với Quyền sử dụng đất tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất theo từng khung ước cụ thể; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là 10 xe ô tô Toyota Vios E với tổng giá trị 4.600.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 001-171295/HĐTC-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017.

(**) Khoản vay dài hạn Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam để mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 9,30%/năm; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Vay dài hạn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 5000019896 ngày 15/12/2016;
- Hợp đồng số 5000021272 ngày 12/04/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2016	80.000.000.000	(46.161.915.745)	33.838.084.255
Tăng lợi nhuận chưa phân phối từ Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội Cổ đồng thường niên năm 2009 ngày 29/04/2010	-	(1.570.101.744)	(1.570.101.744)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN bị truy thu	-	(4.180.369.558)	(4.180.369.558)
Lỗi trong năm trước	-	(5.248.082.535)	(5.248.082.535)
31/12/2016	80.000.000.000	(57.160.469.582)	22.839.530.418
01/01/2017	80.000.000.000	(57.160.469.582)	22.839.530.418
Lỗi trong năm nay	-	(21.647.682.843)	(21.647.682.843)
31/12/2017	80.000.000.000	(78.808.152.425)	1.191.847.575

(*) Số dư đầu kỳ của "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của các sai sót. Xem chi tiết tại thuyết minh 7.3.

Cổ phiếu

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2017 (VND)	2016 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017	2016
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu	21.213.395.563	30.470.273.323
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi	10.042.406.564	16.965.887.868
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe	5.398.391.000	6.547.420.000
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe	5.741.157.999	5.569.762.455
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay	6.440.000	1.387.203.000
- Doanh thu từ các dịch vụ khác	25.000.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	15.060.000
Hàng bán bị trả lại	-	15.060.000
Doanh thu thuần	21.213.395.563	30.455.213.323

	2017	2016
	(VND)	(VND)
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	6.440.000	1.598.520.590
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	10.141.817	122.375.555
Cộng	16.581.817	1.720.896.145

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017	2016
	(VND)	(VND)
- Giá vốn của dịch vụ taxi	14.291.240.555	20.965.426.024
- Giá vốn của dịch vụ đào tạo lái xe	4.888.644.584	6.579.687.231
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	5.474.423.558	5.589.958.036
- Giá vốn của dịch vụ và bán vé máy bay	6.440.000	1.371.018.000
- Giá vốn của các dịch vụ khác	39.875.051	-
Cộng	24.700.623.748	34.506.089.291

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	(VND)	(VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	128.245.090	392.094.810
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.798.502	23.159.496
Cộng	146.043.592	415.254.306

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.4. Chi phí tài chính

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí lãi vay	767.212.840	13.625.443
- Chi phí trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng	235.494.695	1.584.982.290
- Chi phí khác	8.162.438	4.295.344
Cộng	1.010.869.973	1.602.903.077

6.5. Chi phí bán hàng

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí cho nhân viên	89.646.737	302.140.951
- Chi phí bằng tiền khác	-	550.000
Cộng	89.646.737	302.690.951

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	2.982.367.292	2.545.113.090
- Chi phí đồ dùng văn phòng	12.564.553	81.584.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	65.227.574	153.454.575
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	412.745.357
- Chi phí dự phòng	2.785.973.251	(150.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	910.880.222	690.209.025
- Chi phí bằng tiền khác	2.969.301.872	2.415.643.540
Cộng	9.726.314.764	6.148.749.587

6.7. Thu nhập khác

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Thu từ thanh lý TSCĐ	3.082.007.618	4.786.523.803
- Thu từ hỗ trợ chi phí di dời 99 Phố Quang từ Công ty Đầu tư Tài chính Đất Việt	1.500.000.000	1.500.000.000
- Thu nhập khác	295.233.129	229.964.606
Cộng	4.877.240.747	6.516.488.409

6.8. Chi phí khác

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	10.000.000.000	-
- Lỗ từ thanh lý vật tư	287.759.677	-
- Chi phí phạt thuế	2.038.276.095	-
- Chi phí khác	30.871.751	74.605.667
Cộng	12.356.907.523	74.605.667

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2017 (VND)	2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	2017 (VND)	2016 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.647.682.843)	(5.248.082.535)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Điều chỉnh tăng	1.823.869.951	103.663.537
+ Chi phí không hợp lệ	2.373.881.636	646.160.706
+ Chi phí trích trước năm 2017	2.069.147.846	96.149.021
+ Chi phí trích trước năm 2016	304.733.790	-
Điều chỉnh giảm	-	550.011.685
+ Chi phí trích trước năm 2015	(550.011.685)	(542.497.169)
+ Chi phí trích trước năm 2016	-	(542.497.169)
Thu nhập chịu thuế	(19.823.812.892)	(5.144.418.998)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2017 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	614.142.484
- Chi phí nhân công	12.438.791.101
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.460.737.525
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.244.342.850
- Chi phí khác	2.966.158.038
Cộng	31.724.171.998

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.3. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	Công ty con

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	2017 (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ cho công ty con	6.440.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	Nhận cung cấp dịch vụ từ công ty con	356.999.994
	Cung cấp dịch vụ cho công ty con	10.141.817
	Thu tiền cho vay	163.440.661

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn		
+ Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	2.137.844.758	2.703.478.728
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân		
+ Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	6.262.821	241.215.056
Cộng nợ phải thu	2.144.107.579	2.944.693.784

Thu nhập của các thành viên của Tổng Giám đốc

	2017 (VND)	2016 (VND)
Thu nhập của Tổng Giám đốc	239.136.000	454.207.000
Cộng	239.136.000	454.207.000

7.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.377.804.601	-	1.377.804.601
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	14.947.911.687	-	14.947.911.687
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	23.385.293.221	1.106.088.982	24.491.382.203
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.228.917.953)	(5.796.000.000)	(36.024.917.953)
Tổng cộng	9.632.091.556	1.106.088.982	10.738.180.538
31/12/2017			
Phải trả cho người bán	656.394.086	-	656.394.086
Chi phí phải trả	304.733.790	641.531.145	946.264.935
Phải trả khác	17.074.939.875	1.021.449.286	18.096.389.161
Vay và nợ thuê tài chính	2.491.300.000	8.321.266.032	10.812.566.032
Tổng cộng	20.527.367.751	9.984.246.463	30.511.614.214
Chênh lệch thanh khoản thuần	(10.895.276.195)	(8.878.157.481)	(19.773.433.676)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.087.312.682	-	9.087.312.682
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	16.007.297.719	-	16.007.297.719
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	20.467.360.885	1.787.068.180	22.254.429.065
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(27.442.944.702)	(5.796.000.000)	(33.238.944.702)
Tổng cộng	18.119.026.584	1.787.068.180	19.906.094.764
01/01/2017			
Phải trả cho người bán	5.672.096.917	-	5.672.096.917
Chi phí phải trả	550.011.685	1.293.671.875	1.843.683.560
Phải trả khác	4.944.559.523	1.191.147.350	6.135.706.873
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Tổng cộng	11.166.668.125	2.484.819.225	13.651.487.350
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.952.358.459	(697.751.045)	6.254.607.414

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.377.804.601	9.087.312.682	1.377.804.601	9.087.312.682
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000	-
Phải thu khách hàng	14.947.911.687	16.007.297.719	2.058.379.561	5.340.981.490
Phải thu về cho vay	5.796.000.000	5.796.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	24.491.382.203	22.254.429.065	7.151.996.376	5.477.800.592
Tổng cộng	46.763.098.491	53.145.039.466	10.738.180.538	19.906.094.764
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	656.394.086	5.672.096.917	656.394.086	5.672.096.917
Chi phí phải trả	946.264.935	1.843.683.560	946.264.935	1.843.683.560
Phải trả khác	18.096.389.161	6.135.706.873	18.096.389.161	6.135.706.873
Vay và nợ thuê tài chính	10.812.566.032	-	10.812.566.032	-
Tổng cộng	30.511.614.214	13.651.487.350	30.511.614.214	13.651.487.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.5. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của kỳ trước như sau:

	Số liệu theo BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã kiểm toán (VND)	Số liệu điều chỉnh lại (VND)	Chênh lệch (VND)	
Mã số				
Bảng cân đối kế toán (vào ngày 31/12/2016)				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ^(*)	313	872.334.364	5.234.610.121	(4.362.275.757)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước ^(*)	421a	(47.732.017.489)	(52.094.293.246)	4.362.275.757

^(*) Điều chỉnh số dư đầu kỳ của khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" và "LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" do ảnh hưởng của Quyết định 406/QĐ-CT-XP ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Tổng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế.

7.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: cung cấp dịch vụ taxi, dịch vụ đào tạo lái xe, cho thuê xe và các dịch vụ khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Dịch vụ taxi	Dịch vụ đào tạo	Dịch vụ cho thuê xe	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	10.042.406.564	5.398.391.000	5.741.157.999	31.440.000	21.213.395.563
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(14.291.240.555)	(4.888.644.584)	(5.474.423.558)	(46.315.051)	(24.700.623.748)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	(4.248.833.991)	509.746.416	266.734.441	(14.875.051)	(3.487.228.185)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.815.961.501)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(13.303.189.686)
Doanh thu tài chính					146.043.592
Chi phí tài chính					(1.010.869.973)
Thu nhập khác					4.877.240.747
Chi phí khác					(12.356.907.523)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(21.647.682.843)

Ngày 31 tháng 05 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Hồ Thị Trúc Vân

Hồ Thị Trúc Vân

Kakazu Shogo